

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 94 /2022/DS-GĐT

Ngày: 05/4/2022

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Ông Tô Chánh Trung

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Giáp Mạnh Huy - Thẩm tra viên

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Minh Tn**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 677, đường Lê Xuân Oai, khu phố Phước Lai, phường Trường Thạnh, Quận (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị Thu Hng**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 69, đường X, khu phố Phước Hiệp, phường Trường Thạnh, Quận (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Đỗ Văn Trng** (chết năm 2018); Có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là:

- Bà Phan Tú H, sinh năm 1940; Địa chỉ: Số 36/1 đường số 6, khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Thị Thu Tm, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 34 G, đường số 33, khu phố 3, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Thị Thu Trng, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 24, đường số 3, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Minh Hng, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 55/20 đường X, khu phố Phước Hiệp, phường Trường Thạnh, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Minh H, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 69D đường X, khu phố Phước Hiệp, phường Trường Thạnh, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Thị Thu Th, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 36/1 đường số 6, khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Thị Thu Hng, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 69 đường X, khu phố Phước Hiệp, phường Trường Thạnh, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đỗ Minh Tn, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 677 đường Lã Xuân Oai, khu phố Phước Lai, phường Trường Thạnh, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đỗ Thu Tm, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 34G đường số 33, khu phố 3, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Ông Nguyễn Văn Đc, sinh năm 1973;

3.3 Cháu Nguyễn Minh Nh, sinh năm 2006;

Cùng địa chỉ: Số 69 đường X, khu phố Phước Hiệp, phường Trường Thạnh, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Bà Bùi Đặng Chinh U, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 677 đường Lã Xuân Oai, khu phố Phước Lai, phường Trường Thạnh, Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2017 và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn Đỗ Minh Tn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tạ Xuân Nghĩa trình bày:***

Năm 1996, ông Tn mua một mảnh đất, trên đất có nhà lá rộng khoảng 25 m<sup>2</sup>. Năm 2004, ông Tn cho vợ chồng em ruột là bà Đỗ Thị Hồng, ông Nguyễn Văn Đc ở nhờ tại nhà lá nêu trên, hai bên không làm giấy tờ mà chỉ nói là cho ở nhờ đến khi nào cần thì lấy lại. Ngày 18/02/2008, ông Tn được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) Quận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) số AM 058437. Năm 2009, ông Tn chuyển quyền sử dụng 1.467 m<sup>2</sup> cho người khác. Phần đất còn lại có diện tích là 444,7 m<sup>2</sup> có nhà lá mà bà Hng, ông Đc đang ở nhờ. Sau đó bà Hng tháo dỡ nhà lá, tự ý sửa chữa, xây dựng, nới rộng nhà và cho người khác thuê mà ông Tn không đồng ý. Năm 2016, ông Tn nhiều lần yêu cầu bà Hng, ông Đc dọn đi nơi khác giao trả đất cho ông nhưng bà Hng, ông Đc hèn nhiều lần mà không trả.

Tháng 10/2016, ông Tn nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở, đất ở nêu trên thì bà Hng ngăn chặn nên không thực hiện được. Sau đó, hai bên thương lượng, ông Tn đồng ý hỗ trợ tiền xây dựng nhà và các khoản khác để bà Hng, ông Đc dọn đi nơi khác với số tiền 2.000.000.000 đồng, trong đó bà Hng được 1.500.000.000 đồng, ông Đc được 500.000.000 đồng. Ngày 08/11/2017, hai bên lập biên bản thỏa thuận nhưng sau khi ông Đc nhận được 500.000.000 đồng thì bà Hng không đồng ý nữa. Ông Tn nộp đơn tranh chấp thông báo lấy lại nhà tại UBND phường và tổ chức hòa giải nhưng không thành. Ông Tn khởi kiện Tòa án yêu cầu bà Hng, ông Đc dọn nhà đi nơi khác, giao trả lại ông bà phần đất có diện tích 290,1 m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Tn xác định lại đất tranh chấp có diện tích 290,1 m<sup>2</sup>, ông yêu cầu bà Hng, ông Đc trả lại diện tích đất này, nếu bà Hng tự nguyện di dời nhà đi trước khi xét xử thì ông hỗ trợ bà Hng 1.000.000.000 đồng, nếu không tự nguyện di dời, khi Tòa án buộc bà Hng trả lại ông đất thì bà Hng có thể tự tháo dỡ hoặc ông trả lại tiền xây dựng theo quy định pháp luật. Các phần đất khác, ông Tn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng ông Đc đã nhận của ông theo thỏa thuận ngày 08/11/2017, ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

***Quá trình cung cấp chứng cứ, bị đơn Đỗ Thị Thu Hng trình bày:***

Cha bà là cụ Đỗ Văn Trng, sinh năm 1935 (chết 24/5/2018) mẹ bà là cụ Phan Tú H, sinh năm 1940 có 07 người con là: Đỗ Thị Thu Tm, sinh năm 1959;

Đỗ Minh H, sinh năm 1961; Đỗ Minh Hng, sinh năm 1963; Đỗ Thị Thu Hng, sinh năm 1965; Đỗ Minh Tn, sinh năm 1967; Đỗ Thị Thu Trng và Đỗ Thị Thu Th, cùng sinh năm 1969.

Nguồn gốc đất tranh chấp do cụ Trng mua lại của ông YaBe (là người Nhật) nhưng vì cụ Trng lớn tuổi, đi lại khó khăn nên cụ Trng để cho ông Tn đứng tên chủ quyền sử dụng đất.

Năm 2005, cụ Trng cho bà về phần đất tranh chấp để xây nhà ở. Cụ Trng nói với các anh chị em trong nhà là cho bà một nền ngang 5 m, dài 30 m; cho bà Tm 01 nền ngang 5 m dài 30 m bên cạnh nhà bà và có nói ông Tn làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Nhưng chưa thực hiện được thì cụ Trng bệnh chết vào năm 2018.

Năm 2005, bà xây nhà trên diện tích đất nói trên bằng tiền của bà. Hiện tại, bà cùng chồng Nguyễn Văn Đc, con Nguyễn Minh Nh đang sống tại đây. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Tn.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

***Bà Đỗ Thị Thu Tm trình bày:*** Năm 2001, cha của bà là cụ Đỗ Văn Trng và ông YaBe có để cho ông Tn đại diện gia đình đứng tên chủ quyền sử dụng đất giùm lô đất tại mặt tiền đường X, phường Trường Thạnh, Quận tại thửa đất số 634 và thửa đất số 504. Trên đất tranh chấp hiện có 02 căn nhà xây dựng trên 02 lô đất. Năm 2004, cụ Trng cho bà một lô đất và cho bà Hng một lô đất. Bà Hng đã sinh sống tại đây từ năm 2005 đến nay. Năm 2010, cụ Trng nói bà về xây dựng nhà rồi nói ông Tn làm thủ tục tặng cho để không phải đóng thuế nhiều, nhưng bà không làm việc đó vì nghĩ rằng trong gia đình tất cả là chị em với nhau. Năm 2013, bà biết GCNQSDĐ ông Trng đã đem thế chấp cho Ngân hàng nên bà đã về chuộc lại.

Bà không đồng ý với ý kiến của ông Tn và xác định đất do cha bà là cụ Trng để lại nhờ ông Tn đứng tên giùm vì lúc đó ông Tn độc thân. Năm 2004, cụ Trng chuyển qua thổ cư phân chia đất, năm 2010 cụ Trng cho bà 01 nền 05 x 20 m; do có nhu cầu sử dụng nên bà để bà Hng sử dụng và cho Công ty TT (*gọi tắt là Công ty TT*) thuê để kiếm thêm thu nhập. Nay Công ty TT đã trả lại mặt bằng, hai bên đã thanh lý xong hợp đồng thuê nhà. Trong vụ án này, bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

***Ông Nguyễn Văn Đc trình bày:*** Năm 2005, ông và vợ là bà Hng được cụ Trng cho nền đất 5m x 30 m để cất nhà và trồng coi vườn. Khi vợ chồng ông cất nhà thì vợ chồng bà Tm, vợ chồng ông Tn đều biết. Thời điểm đó, xây nhà khoảng 200.000.000 đồng. Năm 2014, cụ Trng ngã bệnh thì ông Tn đòi lại đất và

có ý định đưa vợ chồng ông 2.000.000.000 đồng để dọn đi nơi khác nhưng bà Hng không chịu. Ông đã nhận của ông Tn 500.000.000 đồng là không tranh chấp nữa còn một phần tiền xây dựng nhà thì ông không yêu cầu hoàn trả lại, phần còn lại để bà Hng và ông Tn tự giải quyết. Việc tranh chấp giữa ông Tn và bà Hng ông không yêu cầu gì và cũng không tranh chấp gì.

**Bà Đặng Thị U trình bày:** Bà là vợ ông Tn, toàn bộ diện tích đất theo GCNQSDĐ số AM 058437 do UBND Quận cấp ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi ngày 04/4/2009 là tài sản riêng của ông Tn, bà không có đóng góp công sức hay tiền gì để tạo lập tài sản này. Nay ông Tn có tranh chấp với bà Hng, ông Đc bà không có ý kiến, không có yêu cầu.

**Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Đỗ Văn Trng:**

**Cụ Phan Tú H trình bày:** Năm 2000, chồng cụ là cụ Đỗ Văn Trng mua lô đất ở đường X, GCNQSDĐ do UBND Quận cấp ngày 18/02/2008, khi mua cụ Trng để con trai là ông Tn đại diện gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận mà cụ không hề hay biết, nay cụ Trng đã qua đời, đề nghị Tòa án làm rõ nguồn gốc đất để cụ phân chia cho các con còn lại chưa có nhà ở.

**Bà Đỗ Thị Thu Trng, ông Đỗ Minh H, ông Đỗ Minh Hng trình bày:** Cách đây khoảng 20 năm cha của các ông bà là cụ Đỗ Văn Trng mua khu đất số 69 đường X, phường Trường Thạnh, Quận và để ông Tn đại diện gia đình đứng tên. Lúc cụ Trng ngã bệnh, ông Tn kết hợp với bà Đỗ Thị Thu Th đem cụ Trng về nhà giam, bỏ đói, bỏ khát để cụ Trng không còn minh mẫn thì bán nhà cụ Trng, giờ cụ Trng mất thì ông Tn đuổi bà Hng để chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Tòa án xem xét nếu đúng đất của ông Tn thì đành trả, còn không thì yêu cầu trưng trị nghiêm minh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 442/2020/DS-ST ngày 28/12/2020, Tòa án nhân dân Quận, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

*1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh Tn:*

*Buộc bà Đỗ Thị Thu Hng, ông Nguyễn Văn Đc và những người đang cư trú tại hai công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp dọn ra khỏi công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp và giao trả cho ông Đỗ Minh Tn phần đất có diện tích 290,1 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 504, tờ bản đồ số 11 (TL 2003), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 058437 cấp cho ông Đỗ Minh Tn ngày 18/02/2008, đăng ký thay đổi diện tích còn lại ngày 02/4/2009, trong thời hạn 03 tháng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.*

*Ông Đỗ Minh Tn được quyền quản lý, sử dụng 02 công trình xây dựng trên đất tranh chấp nêu trên.*

*Ông Đỗ Minh Tn có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị Thu Hng giá trị 02 công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp nêu trên với số tiền 684.208.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi xuất chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/12/2020, bà Đỗ Thị Thu Hng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Thu Tm kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Ngày 06/01/2021, ông Đỗ Minh Tn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 512/2021/DS-PT ngày 27/5/2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- 1. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn do rút yêu cầu kháng cáo.*
- 2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Thị Thu Hng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Thu Tm*
- 3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 442/2020/DS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận, thành phố Hồ Chí Minh nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền nghĩa vụ các bên khi thi hành án theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định số 266/QĐKNGĐT-VKS-VP ngày 04/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 512/2021/DS - PT ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 442/2020/DS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Vợ chồng cụ Đỗ Văn Trng, sinh năm 1935 (chết 24/5/2018) và cụ Phan Tú H, sinh năm 1940 có 7 người con là: Đỗ Thị Thu Tm, sinh năm 1959; Đỗ

Minh H, sinh năm 1961; Đỗ Minh Hng, sinh năm 1963; Đỗ Thị Thu Hng, sinh năm 1965; Đỗ Minh Tn, sinh năm 1967; Đỗ Thị Thu Trng và Đỗ Thị Thu Th, cùng sinh năm 1969.

[2] Tại GCNQSDĐ số AM 058437 (số vào sổ: H 00764/26854) được UBND Quận (nay là thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 18/02/2008 cho chủ sử dụng đất là ông Đỗ Minh Tn diện tích 1.911,7 m<sup>2</sup>, tại thửa 504, tờ bản đồ số 11, phường Trường Thạnh. Tại Công văn số 6495/VPĐK-CN9 ngày 09/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận xác nhận ngày 24/12/2008, ông Tn tặng cho ông Trần Huy Quang một phần quyền sử dụng đất diện tích 1.467 m<sup>2</sup>; phần diện tích còn lại là 444,7 m<sup>2</sup>. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chưa nhận được hồ sơ chuyển nhượng diện tích đất còn lại này cho cá nhân nào khác.

[3] Ông Tn khởi kiện yêu cầu bà Hng trả lại diện tích 290,1 m<sup>2</sup> nằm trong phần diện tích còn lại là 444,7 m<sup>2</sup> ông Đc UBND Quận cấp GCNQSDĐ ngày 18/02/2008. Bà Hng cho rằng ông Tn chỉ là người đứng tên giùm trên GCNQSDĐ cho cha ruột của bà là cụ Đỗ Văn Trng. Cụ Trng đã cho bà và bà Đỗ Thị Thu Tm là chị ruột mỗi người phần đất diện tích chiều ngang 5m x chiều dài 30 m; bà đã xây cất nhà ở móng bê tông cốt thép, khung cốt kiên cố từ năm 2005 đến nay nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu của ông Tn.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện: Tại Văn bản số 98 ngày 24/3/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận, Thành phố Hồ Chí Minh gửi ông Trần Huy Quang trả lời không có yếu tố cấu thành tội phạm về việc ông Quang tố cáo ông Đỗ Mạnh Tiến trong việc mua bán, chuyển nhượng diện tích đất 1.467 m<sup>2</sup> bằng giấy tay ngày 11/6/2007, khi mua bán chưa có GCNQSDĐ (*Diện tích đất tranh chấp với ông Quang sau này ông Tn được UBND Quận cấp GCNQSDĐ số AM 058437 (số vào sổ: H 00764/26854) được UBND Quận cấp ngày 18/02/2008, cũng nằm trong diện tích ông Tn tranh chấp với bà Hng*).

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết và sao lục đều thể hiện ông Tn khai ông chỉ là người đứng tên dùm quyền sử dụng đất cho cụ Đỗ Văn Trng, việc giao dịch chuyển nhượng đất và nhận tiền đều do cụ Trng thực hiện.

Ông Tn cho rằng toàn bộ diện tích đất ông Đc cấp GCNQSDĐ ngày 18/02/2008 là của ông. Tuy nhiên, khi bà Hng xây nhà kiên cố từ năm 2005 ông Tn cũng không có ý kiến phản đối, tranh chấp. Về nguồn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Tn khai ông Tn cùng cụ Trng mua đất chung, nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng không khai như vậy tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[5] Tại cấp phúc thẩm bên bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là hồ sơ giải quyết vụ ông Quang tố cáo ông Tn tại Cơ quan điều tra. Ngày 25/5/2020, ông Tn có “*Đơn xin trình bày ý kiến*” gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải trình xác nhận có khai nội dung trên, lý do ông Tn muốn ông Quang phải có sự thương lượng và làm rõ số nợ mà ông Quang còn thiếu lại chưa thanh toán trước khi ông Tn tiến hành thủ tục sang tên, tách thửa phần diện tích đất còn lại cho ông Quang đã chuyển nhượng trước đây; không thừa nhận đứng tên giùm cho cụ Trng, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là của ông bỏ ra.

[6] Xét lời trình bày của cụ Phan Tú H là mẹ ruột của ông Tn phù hợp lời khai của tất cả các anh chị em ruột của ông Tn, phù hợp với chính lời khai của ông Tn tại Cơ quan Cảnh sát điều tra (*trong vụ án ông Quang tố cáo ông Tn*) có cơ sở xác định ông Đỗ Minh Tn chỉ là người đứng tên giùm cụ Đỗ Văn Trng trên GCNQSDĐ số AM 058437, được UBND Quận cấp ngày 18/02/2008. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không đánh giá tổng hợp các chứng cứ trên mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tn để buộc bà Hng, ông Đc phải trả lại đất tranh chấp là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

[7] Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Trong trường hợp ông Tn không có chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì cần tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Minh Tn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;*

1. Chấp nhận kháng nghị số 266/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 04/11/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án Dân sự phúc thẩm số 512/2021/DS-PT ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 442/2020/DS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận (*nay là thành phố Thủ Đức*), Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án “*Tranh chấp đòi tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Đỗ Minh Tn với bị đơn là bà Đỗ Thị Thu Hng (và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan).

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.



Quyết định Giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Chánh án TANDCC tại TP.HCM;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TAND TC
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, Phòng GDKT II, HS; THS (GMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Bùi Đức Xuân***